

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/KDTM-PT

Ngày 18-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa và hợp đồng gửi giữ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;
Ông Nguyễn Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 34/2020/TLPT-KDTM ngày 16/10/2020 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng gửi giữ”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2020/QĐ-PT ngày 24/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH; địa chỉ, Thành phố Hà Nội.

Những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1960; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 30/9/2019), có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Huyền L; địa chỉ: Thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 30/9/2019), vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Đ; Địa chỉ:, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ hoạt động: Nhà máy chế biến mủ cao su Đ - huyện D, tỉnh Bình Dương.

Những người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Bà Văn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số H1 đườngH2, phường H3, thành phốH4, tỉnh Thanh Hóa (văn bản ủy quyền ngày 19/01/2021), vắng mặt.

- Ông Nguyễn Bảo T, sinh năm 1995; địa chỉ: Nhà máy chế biến mủ cao su Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 18/02/2021), có mặt tại phiên tòa ngày 03/3/2021 vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/3/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông HA là Luật sư của Công ty TNHH Một thành viên HTL thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa ngày 03/3/2021 vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/3/2021.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà ĐP sinh năm 1959; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

** Đại diện nguyên đơn trình bày:*

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH (sau đây gọi tắt là Công ty TH) và Công ty TNHH Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) ký Hợp đồng mua bán hàng xuất khẩu số: GEN/HCM/DPT-13269 ngày 26/12/2013 với nội dung: Công ty TH mua hàng cao su SVR10 của Công ty Đ, số lượng 105 tấn, đơn giá 42.300.000 đồng/tấn, trị giá hợp đồng là 4.663.075.000 đồng (đã bao gồm VAT). Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 30/12/2013, Công ty TH đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng với số tiền 2.220.750.000 đồng. Trong đó có số tiền thanh toán cho các hợp đồng trước đó và số tiền Công ty TH thực hiện thanh toán cho Hợp đồng GEN/HCM/DPT-13269 là 2.027.950.156 đồng. Tuy nhiên, số tiền này Công ty TH chưa nhận hàng. Theo văn bản xác nhận nợ ngày 06/01/2015, Công ty Đ xác nhận còn nợ Công ty TH là 2.027.949.002 đồng. Ngày 18/12/2017, Công ty Đ chuyển khoản cho Công ty TH số tiền 40.000.000 đồng, ngày 31/01/2019 Công ty Đ chuyển khoản cho Công ty TH số tiền 20.000.000 đồng. Sau 2 lần thanh toán, Công ty Đ còn nợ số tiền 1.967.949.002 đồng. Ngoài ra, Công ty TH còn gửi Công ty Đ 05 tấn hàng cao su SVR3L, trị giá 145.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền theo hợp đồng là 1.967.949.002 đồng và số tiền hàng ký gửi tại kho Công ty Đ là 145.000.000 đồng. Do Công ty Đ chót nợ nhưng không chuyển trả nên Công ty TH khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả số tiền nợ theo hợp đồng là 1.967.949.002 đồng, tiền hàng ký gửi là 145.000.000 đồng, tiền lãi suất tính đến ngày 30/9/2019 là 869.668.801 đồng, tổng cộng là 2.982.716.803 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.012.649.000 đồng và lãi suất 165.264.300 đồng, tổng cộng 1.177.913.300 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.804.803.503 đồng.

** Đại diện bị đơn trình bày:*

Thông nhất nội dung khởi kiện của Công ty TH về việc các bên có ký Hợp đồng mua bán hàng xuất khẩu số: GEN/HCM/DPT-13269, ngày 26/12/2013. Theo văn bản xác nhận nợ ngày 06/01/2015, Công ty Đ còn nợ Công ty TH là 2.027.949.002 đồng. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc ngày 08/8/2019 do ông Nguyễn Quốc V đại diện Công ty TH thì Công ty Đ còn nợ gốc là 927.649.000 đồng + 85.000.000 đồng (tiền 05 tấn hàng), số tiền trên đã được trừ đi số tiền Công ty Đ chuyển trả 40.000.000 đồng vào ngày 18/12/2017 và 20.000.000 đồng vào ngày 31/01/2019. Như vậy, căn cứ biên bản làm việc ngày 08/8/2019, Công ty Đ đồng ý thanh toán cho Công ty TH số tiền 927.649.000 đồng + 85.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý với số tiền gốc và lãi như Công ty TH khởi kiện. Trường hợp Công ty TH không đồng ý với số tiền 927.649.000 đồng + 85.000.000 đồng thì đề nghị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH chuyển đủ số tiền theo hợp đồng để nhận 105 tấn hàng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị ĐP trình bày:*

Thông nhất với nội dung đã trình bày của Công ty Đ, cụ thể: Trước đây với tư cách người đại diện của Công ty Đ, bà ĐP có ký xác nhận vào một số biên bản trong đó có Biên bản làm việc ngày 08/8/2019 giữa bà ĐP và ông V là cán bộ ban pháp chế Công ty TH. Do đó, bà ĐP đề nghị được thực hiện theo Biên bản ngày 08/8/2019.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc V trình bày:*

Ông Nguyễn Quốc V là cán bộ pháp chế của Công ty TH. Ngày 08/8/2019 ông được Công ty giới thiệu liên hệ Công ty Đ để nhắc nhở chuyển trả số tiền còn nợ. Trên cơ sở chỉ đạo của lãnh đạo và thỏa thuận trước đây của Giám đốc 02 Công ty nên ông (đại diện Công ty TH) và bà Nguyễn Thị ĐP (đại diện Công ty Đ) đã lập biên bản làm việc ghi nhận số nợ mà Công ty Đ phải trả cho Công ty TH là 927.649.000 đồng + 85.000.000 đồng.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH đối với bị đơn Công ty TNHH Đ đối với số tiền 1.804.803.503 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH đối với Công ty TNHH Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng gửi giữ.

Chấm dứt hợp đồng mua bán hàng xuất khẩu số: GEN/HCM/DPT-13269, ngày 26/12/2013 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH và Công ty TNHH Đ.

Buộc Công ty TNHH Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH số tiền 1.137.083.300 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH đối với Công ty TNHH Đ về số tiền lãi 40.830.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, kháng nghị, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 16/6/2020, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Theo “Văn bản ghi ý kiến tại phiên tòa” ghi ngày 15/3/2021 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng bà Văn Thị H là một trong những người đại diện hợp pháp của bị đơn không được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm và đề nghị hoãn phiên tòa; Tòa án cấp phúc thẩm xác định thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp; số tiền nợ 927.649.002 đồng là nợ riêng của bà Nguyễn Thị ĐP với Công ty TH và số tiền nợ 85.000.000 đồng là nợ riêng giữa ông Huỳnh Tấn B và bà Nguyễn Thị ĐP nên Công ty Đ không có trách nhiệm với hai khoản nợ này; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Huỳnh Tấn B tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ biên bản về việc tổng đạt ngày 27/01/2021 của Văn phòng Thừa Phát Lại H4 có đủ cơ sở xác định bà Văn Thị H đã nhận được Giấy triệu tập ngày 19/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ-PT ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Bà H không tham gia phiên tòa ngày 03/3/2021 là lỗi của bà, vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định.

Tại Thông báo thụ lý số 34/TBTL-TA ngày 19/10/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng gửi giữ là đúng quan hệ tranh chấp. Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐ-PT ngày 24/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ-PT ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xác định chỉ có quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa là có thiếu sót nhưng đã được khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập và đưa ông Huỳnh Tấn B tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Do hợp đồng không thể thực hiện được, các bên đã lập biên bản ghi nhận số tiền phải thanh toán nhưng bị đơn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ và phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến và Kiểm sát viên phát biểu quan điểm; sau khi thảo luận,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 26/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm vụ án và ban hành Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt khi xét xử. Ngày 08/6/2020, người đại diện hợp pháp của bị đơn nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 16/6/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Đ. Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn, đóng tạm ứng án phí đúng quy định tại các Điều 271, 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bà Văn Thị H: Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Bảo T xác định ngoài địa chỉ tại số H1, đường H2, phường H3, thành phố H4, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy ủy quyền ngày 19/01/2021 thì bà H không còn địa chỉ nào khác. Theo hai Biên bản về việc tổng đạt vào hồi 16 giờ 20 phút ngày 27/01/2021, tại gia đình bà Văn Thị H, địa chỉ số H1, đường H2, phường H3, Văn phòng Thừa phát lại H4 đã tiến hành tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐ ngày 19/01/2021 và Giấy triệu tập ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương cho ông Văn Đình A là bố của bà Văn Thị H, ông A cam kết giao lại cho bà Văn Thị H do bà H hiện đang đi làm. Xét thấy việc tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho bà H được thực hiện đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, tại phiên tòa có mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Bảo T nên quyền lợi của bị đơn vẫn được đảm bảo. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Văn Thị H.

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng và số tiền hàng ký gửi tại kho của bị đơn. Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày

26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng gửi giữ” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm ban hành thông báo thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng gửi giữ”, tuy nhiên, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2020/QĐ-PT ngày 24/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐ ngày 19/01/2021 ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là chưa đầy đủ, có thiếu sót. Tuy nhiên, theo đơn kháng cáo ngày 16/6/2020, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo này được xác định theo thông báo về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm số 34/TBTL-TA ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm nên thiếu sót này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

Xét kháng cáo của bị đơn:

[2] Về tố tụng:

Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng địa chỉ nơi hoạt động thực tế của bị đơn và nơi cư trú của bà ĐP làm cho bị đơn và bà ĐP không tiếp cận được các văn bản tố tụng của Tòa án và tham gia tố tụng. Ý kiến của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị ĐP làm đại diện theo Văn bản ủy quyền số 01/2020UQ ngày 26/02/2020 (BL 40), việc ủy quyền hoàn toàn hợp lệ và được Tòa án chấp nhận. Bà ĐP đã thực hiện các quyền của đương sự theo quy định, cụ thể là tham gia cuộc họp tiếp cận và công khai chứng cứ, hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà ĐP đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp quyết định thể hiện tại biên bản giao nhận ngày 04/5/2020 (BL 79). Tại phiên tòa mở lần thứ nhất ngày 14/5/2020, bà ĐP vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã hoãn phiên tòa. Tại Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 14/5/2020 Tòa án đã ấn định thời gian mở lại phiên Tòa vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/5/2020 (BL 99). Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS và giấy triệu tập đã được tổng đạt trực tiếp cho bà ĐP theo biên bản giao nhận ngày 18/5/2020 (BL 100). Tuy nhiên, khi phiên tòa được mở lại lần thứ hai vào ngày 26/5/2020, bà ĐP tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xét xử và tuyên án vắng mặt bà ĐP. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà ĐP là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định địa chỉ của bị đơn và địa chỉ của bà ĐP được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của bị đơn do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp (BL 57) và Giấy ủy quyền số 01/2020UQ ngày 26/02/2020 (BL 40) là có căn cứ. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định về thủ tục tố tụng và đảm bảo các quyền của đương sự.

[3] Về thành phần tham gia tố tụng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố

tụng do không đưa ông Huỳnh Tấn B tham gia tố tụng trong vụ án nên đề nghị hủy án sơ thẩm. Xét thấy trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, tại các biên bản hòa giải ngày 27/02/2020 và 28/4/2020, bà Nguyễn Thị ĐP là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận toàn bộ số nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định đây là số nợ của Công ty Đ đối với Công ty TH, do vậy, ông B không có trách nhiệm đối với số nợ này, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Huỳnh Tấn B tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Công ty TH khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả số tiền nợ theo Hợp đồng GEN/HCM/DPT-13269 ngày 26/12/2013 là 1.967.949.002 đồng, tiền hàng ký gửi là 145.000.000 đồng, tiền lãi suất tính đến ngày 30/9/2019 là 869.668.801 đồng, tổng cộng là 2.982.716.803 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.012.649.000 đồng và lãi suất 165.264.300 đồng, tổng cộng 1.177.913.300 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.804.803.503 đồng. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền 927.649.000 đồng + 85.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.804.803.503 đồng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số nợ gốc 927.649.000 đồng + 85.000.000 đồng: Theo các Biên bản hòa giải ngày 27/02/2020 và ngày 28/4/2020 (BL 66-67, 72-73), bà Nguyễn Thị ĐP là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 927.649.000 đồng + 85.000.000 đồng = 1.012.649.000 đồng. Sự thừa nhận của đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng số tiền 927.649.000 đồng là nợ riêng của bài ĐP với Công ty TH, số tiền 85.000.000 đồng là nợ riêng của bài ĐP với ông Huỳnh Tấn B nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của hành vi đại diện theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Dân sự. Mặt khác sự thừa nhận của bài ĐP phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm biên bản thỏa thuận ngày 14/9/2016, giấy xác nhận ngày 29/9/2016, biên bản làm việc ngày 14/7/2017 và biên bản làm việc ngày 08/8/2019. Do vậy có cơ sở xác định đây là số nợ của Công ty Đ đối với Công ty TH.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi 165.264.300 đồng: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH đề nghị được tính lãi suất 1,7%/tháng cho số tiền 1.012.649.000 đồng theo biên bản làm việc ngày 08/8/2019 giữa Công ty TNHH Đ và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH đến khi xét xử sơ thẩm, cụ thể: $1.012.649.000 \text{ đồng} \times 1,7\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} 18 \text{ ngày} (08/8/2019 \text{ đến ngày } 26/5/2020) = 165.264.300 \text{ đồng}$. Tại Hợp đồng GEN/HCM/DPT-13269 ngày

26/12/2013, các bên có thỏa thuận về trường hợp đến thời gian giao hàng bên B (Công ty Đ) không có hàng giao cho bên A (Công ty TH) thì bên B phải hoàn lại toàn bộ số tiền bên A đã thanh toán trong vòng 03 ngày và phải chịu lãi suất 1,7%/tháng tính từ ngày thanh toán đến ngày hoàn trả cộng với chênh lệch giá thị trường. Tuy nhiên, ngày 14/9/2016, do hợp đồng không thể thực hiện được, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH và Công ty TNHH Đ đã lập biên bản thỏa thuận về việc không thực hiện hợp đồng số: PLGEN/HCM/DPT-13269 ngày 26/12/2013 (bút lục 67-68). Theo đó, các bên không có thỏa thuận về việc Công ty Đ phải chịu lãi suất của việc chậm thanh toán; tại biên bản làm việc ngày 08/8/2019, các bên cũng không có thỏa thuận về nội dung trên. Do bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, mà không chấp nhận mức lãi suất 1,7%/tháng là đúng quy định.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bản án sơ thẩm quyết định Công ty TH phải chịu án phí đối với phần yêu cầu về tiền lãi suất không được chấp nhận, Công ty Đ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa không phù hợp với các chứng cứ của vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

[9] Án phí phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- * Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Đ.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, 146, 227, 244, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 139, 422, 554 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH đối với bị đơn Công ty TNHH Đ đối với số tiền 1.804.803.503 đồng (một tỷ tám trăm lẻ bốn triệu tám trăm lẻ ba nghìn năm trăm lẻ ba đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH đối với Công ty TNHH Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng gửi giữ.

Chấm dứt Hợp đồng mua bán hàng xuất khẩu số: GEN/HCM/DPT-13269, ngày 26/12/2013 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH và Công ty TNHH Đ.

Buộc Công ty TNHH Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH số tiền 1.137.083.300 đồng (một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH đối với Công ty TNHH Đ về số tiền lãi 40.830.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

4. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

4.1. Công ty TNHH Đ phải nộp số tiền 46.112.500 đồng (bốn mươi sáu triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

4.2. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 45.827.000 đồng (bốn mươi lăm triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0041294 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu TH số tiền 42.827.000 đồng (bốn mươi hai triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng) còn lại.

* Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH Đ phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0050264 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/3/2021./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Tòa KT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh